

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 07-5-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Đình Cảnh

Bà Phan Thị Minh Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đào Thị O, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng: Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/02/2020 và bản tự khai ngày 25/02/2020 chị O trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Phạm Tuấn A thời gian từ năm 2011 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 07 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2018 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để

vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh A.

Về con chung: Có 02 con là Phạm Gia L, sinh ngày 17/4/2012 và Phạm Thị Bích D, sinh ngày 03/7/2014, hiện đang do anh A nuôi dưỡng. Chị xin được nuôi dưỡng cháu D, nhất trí để anh A tiếp tục nuôi dưỡng cháu L đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu L. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay cả hai anh chị đều làm nghề buôn bán, có thu nhập kinh tế và có nơi ăn ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh A trình bày tại bản tự khai ngày 03/3/2020: Thống nhất với chị O về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2018 do nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị O bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh đồng ý ly hôn chị O.

Về con chung: Có 02 con là Phạm Gia L, sinh ngày 17/4/2012 và Phạm Thị Bích D, sinh ngày 03/7/2014, hiện đang do anh A nuôi dưỡng. Anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cháu L, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị O tự thỏa thuận giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh Anh tự nguyện chung sống với nhau thời gian từ năm 2011 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Mặc dù gia đình, thôn xóm đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị O bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị O và anh A đều xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị O và anh Anh được ly hôn là phù hợp.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đào Thị O được ly hôn anh Phạm Tuấn A

2. Về con chung: Anh chị có 02 con là Phạm Gia L, sinh ngày 17/4/2012 và Phạm Thị Bích D, sinh ngày 03/7/2014, hiện đang do anh Anh nuôi dưỡng. Nay tại phiên tòa, chị O xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D; đồng ý để anh Anh nuôi dưỡng cháu L đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi. Còn anh A xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Cả hai anh chị đều có đủ điều kiện đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để nuôi con và cháu L có nguyện vọng ở với anh A; cần chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Phạm Gia L, sinh ngày 17/4/2012 cho anh A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Phạm Thị Bích D, sinh ngày 03/7/2014 cho chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị O tự nguyện chung sống với anh Anh thời gian từ năm 2011 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 07 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2018 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị O bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả 02 anh chị đều xin ly hôn được chấp nhận, nên xử cho chị O được ly hôn anh A là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con là Phạm Gia L, sinh ngày 17/4/2012 và Phạm Thị Bích D, sinh ngày 03/7/2014, hiện đang do anh Anh nuôi dưỡng. Nay tại phiên tòa, chị O xin được nuôi dưỡng cháu D; đồng ý để anh Anh nuôi dưỡng cháu L đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi. Còn anh Anh xin được nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Cả hai anh chị đều có đủ điều kiện đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để nuôi con và cháu L có nguyện vọng ở với anh Anh. Do đó yêu cầu của chị O là có cơ sở được chấp nhận. Cần giao cháu L cho anh Anh nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị O được ly hôn anh Phạm Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia L, sinh ngày 17/4/2012 cho anh Anh nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Phạm Thị Bích D, sinh ngày 03/7/2014 cho chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0012469 ngày 20 tháng 02

năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị O đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thanh Huyền**